

Dịch

Số:4778/QĐ-DHDT

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 11 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận tốt nghiệp trình độ Đại học, Cao đẳng hệ chính qui năm 2021

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

Căn cứ Quyết định số 666/TTg ngày 11/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHDL Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ/GD-ĐT ngày 23/01/1995 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc cho phép trường Đại học Dân lập Duy Tân chính thức hoạt động và tuyển sinh;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-TĐDT ngày 16/03/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Duy Tân về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng tốt nghiệp đại học và cao đẳng hệ chính qui năm 2021.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận tốt nghiệp cho 507 sinh viên trình độ Đại học và 01 sinh viên trình độ Cao đẳng hệ Chính qui, gồm các chuyên ngành học sau:

**1. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Tổng hợp: 95 Sinh viên**

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2014-2018				2	2
2015-2019			1	5	6
2016-2020			5	6	11
2017-2021		12	54	10	76
<b>TỔNG</b>		<b>12</b>	<b>60</b>	<b>23</b>	<b>95</b>

Nhan

2. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Marketing: 12 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2015-2019				1	1
2016-2020			2		2
2017-2021		2	6	1	9
<b>TỔNG</b>		<b>2</b>	<b>8</b>	<b>2</b>	<b>12</b>

3. Chuyên ngành Ngân hàng: 07 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021	1	3	1	2	7
<b>TỔNG</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>7</b>

4. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Ngoại thương: 03 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021			3		3
<b>TỔNG</b>			<b>3</b>		<b>3</b>

5. Chuyên ngành Công nghệ phần mềm: 38 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2013-2017			1	1	2
2014-2018			1		1
2015-2019		1	1	1	3
2016-2020			6	4	10
2017-2021		6	15	1	22
<b>TỔNG</b>		<b>7</b>	<b>24</b>	<b>7</b>	<b>38</b>

6. Chuyên ngành Kỹ thuật Mạng Máy tính: 01 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2018-2020			1		1
<b>TỔNG</b>			<b>1</b>		<b>1</b>

7. Chuyên ngành Xây dựng dân dụng & Công nghiệp: 03 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2015-2020				1	1
2016-2020			2		2
<b>TỔNG</b>			2	1	3

8. Chuyên ngành Xây dựng cầu đường: 03 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2016-2020			3		3
<b>TỔNG</b>			3		3

9. Chuyên ngành Quản trị Du lịch & Khách sạn: 33 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2014-2018			1		1
2015-2019			2		2
2016-2020			3	2	5
2013-2017			1		1
2017-2021		4	16	3	23
2009-2013			1		1
<b>TỔNG</b>		4	24	5	33

10. Chuyên ngành Quản trị Du lịch & Lữ hành: 30 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021		4	17	4	25
2016-2020			2	2	4
2016-2020			1		1
<b>TỔNG</b>		4	20	6	30

11. Chuyên ngành Quản trị Du lịch & Khách sạn chuẩn PSU: 35 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2015-2019			1		1
2016-2020			1		1
2017-2021	1	6	23	3	33
<b>TỔNG</b>	1	6	25	3	35

*Handwritten signature*

**12. Chuyên ngành Quản trị Du lịch lễ hành chuẩn PSU: 6 Sinh viên**

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021			6		6
<b>TỔNG</b>			6		6

**13. Chuyên ngành Điều dưỡng đa khoa: 12 Sinh viên**

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021		2	8		10
2016-2020			2		2
<b>TỔNG</b>		2	10		12

**14. Chuyên ngành Dược sĩ đa khoa: 40 Sinh viên**

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2022					
2016-2021		1	14	4	19
2015-2020			1		1
2013-2018			1	2	3
2016-2020			3	6	9
2015-2019			1	1	2
2016-2019			2	1	3
2017-2020			1	2	3
<b>TỔNG</b>		1	23	16	40

**15. Chuyên ngành Tiếng Anh Biên, Phiên dịch: 17 Sinh viên**

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2015-2019			2		2
2016-2020			1		1
2017-2021		4	10		14
<b>TỔNG</b>		4	13		17

16. Chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch: 08 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021		2	4		6
2016-2020				1	1
2015-2019				1	1
<b>TỔNG</b>		2	4	2	8

17. Chuyên ngành Kế toán kiểm toán: 09 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2015-2019			1	1	2
2016-2020			1		1
2017-2021			4	2	6
<b>TỔNG</b>			6	3	9

18. Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp: 05 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021			4	1	5
<b>TỔNG</b>			4	1	5

19. Ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường: 01 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2015-2019			1		1
<b>TỔNG</b>			1		1

20. Ngành Công nghệ Thực phẩm: 05 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2016-2020		1	4		5
<b>TỔNG</b>		1	4		5

21. Ngành Công nghệ & Kỹ thuật Môi trường: 06 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2015-2019			1		1
2016-2020		1	4		5
<b>TỔNG</b>		1	5		6

ỨNG  
 I HO  
 Y TÀ  
 ★

22. Chuyên ngành Điện tự động: 05 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2014-2018				1	1
2016-2020			3	1	4
<b>TỔNG</b>			<b>3</b>	<b>2</b>	<b>5</b>

23. Chuyên ngành Ngân hàng chuẩn PSU: 05 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2016-2020			2		2
2017-2021			3		3
<b>TỔNG</b>			<b>5</b>		<b>5</b>

24. Chuyên ngành Quản kinh doanh chuẩn PSU: 14 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021	1	2	7	2	12
2016-2020				1	1
2013-2017			1		1
<b>TỔNG</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>8</b>	<b>3</b>	<b>14</b>

25. Chuyên ngành Kỹ thuật công trình xây dựng chuẩn CSU: 01 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2015-2020			1		1
<b>TỔNG</b>			<b>1</b>		<b>1</b>

26. Chuyên ngành Kiến trúc chuẩn CSU: 01 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2011-2016				1	1
<b>TỔNG</b>				<b>1</b>	<b>1</b>

27. Chuyên ngành Công nghệ phần mềm chuẩn CMU: 29 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021		3	17	1	21
2016-2020		1	3		4
2015-2019			1	1	2
2013-2017			1		1
2012-2016			1		1
<b>TỔNG</b>		<b>4</b>	<b>23</b>	<b>2</b>	<b>29</b>

28. Chuyên ngành Kỹ thuật mạng chuẩn CMU: 06 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021			4	2	6
<b>TỔNG</b>			4	2	6

29. Chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý chuẩn CMU: 01 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2013-2017		1			1
<b>TỔNG</b>		1			1

30. Chuyên ngành Kiến trúc công trình: 05 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2014-2019			1		1
2012-2017			2		2
2015-2020			1		1
2017-2019			1		1
<b>TỔNG</b>			5		5

31. Chuyên ngành Văn báo chí: 02 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021		1	1		2
<b>TỔNG</b>		1	1		2

32. Chuyên ngành Văn hóa du lịch: 07 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021		1	3		4
2016-2020			2	1	3
<b>TỔNG</b>		1	5	1	7

33. Ngành Quan hệ quốc tế: 04 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2014-2018			1		1
2015-2019			1		1
2016-2020			1	1	2
<b>TỔNG</b>			3	1	4

**34. Ngành Truyền thông đa phương tiện: 03 Sinh viên**

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021	1	1	1		3
<b>TỔNG</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>		<b>3</b>

**35. Ngành Luật kinh tế: 52 Sinh viên**

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021		6	40		46
2016-2020			3	2	5
2015-2019			1		1
<b>TỔNG</b>		<b>6</b>	<b>44</b>	<b>2</b>	<b>52</b>

**36. Ngành Quản trị kinh doanh (Bằng thứ hai): 01 Sinh viên**

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2018-2020		1			1
<b>TỔNG</b>		<b>1</b>			<b>1</b>

*(tất cả đều có danh sách đính kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phòng đào tạo, các Khoa, Viện đào tạo, các Phòng, Ban liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Các Khoa;
- Các Viện đào tạo;
- Phòng ĐT;
- Phòng KH-TC;
- Phòng CTHSSV;
- Lưu VP;
- BGH.



**TS. Lê Nguyên Bảo**

TT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	Giới tính	8HK	TBTK	TBTK	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI R.LUYỆN	GHI CHÚ
1	2121725657	Võ Đại Huy	K21DLL	14/09/1997	Đà Nẵng	Nam	2.49	3.00	2.51	Khá	Tốt	
2	2221724190	Nguyễn Tiến Anh	K22DLL	07/08/1998	Đà Nẵng	Nam	2.20	3.65	2.25	Trung bình	Khá	
3	2221727284	Nguyễn Trung Dũng	K22DLL	27/10/1998	Quảng Bình	Nam	2.45	3.65	2.50	Khá	Tốt	
4	2121713629	Nguyễn Nhật Anh Quân	K22DLL	06/11/1997	Đà Nẵng	Nam	2.66	3.65	2.70	Khá	Tốt	
5	2221716981	Lương Thành Sơn	K22DLL	10/04/1998	Yên Bái	Nam	2.42	3.65	2.46	Trung bình	Khá	
6	2320724780	Đỗ Thị Kim Ánh	K23DLL	08/05/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.60	4.00	2.65	Khá	Tốt	
7	2321713086	Đới Nguyễn Tiến Cường	K23DLL	04/10/1998	Đà Nẵng	Nam	2.31	4.00	2.38	Trung bình	Khá	
8	2320717216	Bùi Linh Chi	K23DLL	20/04/1999	Hà Tĩnh	Nữ	2.91	4.00	2.95	Khá	Tốt	
9	2321716994	Đặng Nhật Tiến Dũ	K23DLL	24/06/1998	Quảng Nam	Nam	2.34	4.00	2.40	Trung bình	Khá	
10	2320717059	Hoàng Thị Trà Giang	K23DLL	01/08/1999	Quảng Bình	Nữ	2.37	3.65	2.42	Trung bình	Tốt	
11	2320723320	Võ Thị Hằng	K23DLL	02/06/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.61	4.00	2.66	Khá	Tốt	
12	23217211667	Phạm Ngọc Hiệp	K23DLL	21/09/1999	Nam Định	Nam	3.00	4.00	3.04	Khá	Tốt	
13	2320725254	Hoàng Thị Hoà	K23DLL	14/08/1999	Quảng Trị	Nữ	2.90	4.00	2.95	Khá	Tốt	
14	2320212139	Đào Thị Thúy Hồng	K23DLL	03/06/1998	Đà Nẵng	Nữ	2.58	3.65	2.62	Khá	Tốt	
15	2320729916	Ngô Thị Hồng	K23DLL	20/11/1999	Quảng Ngãi	Nữ	2.88	4.00	2.93	Khá	Khá	
16	2321716864	Trương Quang Huy	K23DLL	02/01/1999	DakLak	Nam	2.28	3.65	2.34	Trung bình	Khá	
17	2320722668	Lê Thị Thu Lan	K23DLL	16/06/1999	Bình Định	Nữ	2.51	4.00	2.56	Khá	Tốt	
18	2321722669	Trần Hoàng Ngọc Lân	K23DLL	21/11/1999	Quảng Nam	Nam	2.68	3.65	2.72	Khá	Tốt	
19	23207210179	Nguyễn Thị Hồng Nga	K23DLL	22/10/1999	Quảng Ngãi	Nữ	2.69	4.00	2.74	Khá	Khá	
20	2320723632	Phan Thị Thảo Nguyễn	K23DLL	07/08/1999	Quảng Nam	Nữ	2.59	4.00	2.65	Khá	Khá	
21	2320716478	Nguyễn Lý Kiều Oanh	K23DLL	08/04/1999	Gia Lai	Nữ	3.17	4.00	3.20	Giỏi	Tốt	
22	2320723143	Nguyễn Thị Như Quỳnh	K23DLL	03/01/1999	Quảng Nam	Nữ	2.92	4.00	2.96	Khá	Tốt	
23	2321729712	Phan Thanh Sơn	K23DLL	16/06/1999	Đà Nẵng	Nam	3.10	4.00	3.13	Khá	Tốt	
24	2320716824	Nguyễn Phan Thủy Tiên	K23DLL	17/04/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.88	4.00	2.93	Khá	Tốt	
25	2321716921	Đặng Minh Tú	K23DLL	28/07/1999	Đà Nẵng	Nam	3.28	4.00	3.31	Giỏi	Tốt	
26	2321724580	Nguyễn Quốc Tuấn	K23DLL	01/01/1999	Đà Nẵng	Nam	2.58	3.65	2.62	Khá	Khá	
27	2320716805	Trần Hồ Quỳnh Trang	K23DLL	12/11/1999	Bình Định	Nữ	3.34	4.00	3.37	Giỏi	Khá	
28	23217210960	Lê Trần Bảo Trâm	K23DLL	14/09/1999	Quảng Nam	Nam	2.45	4.00	2.51	Khá	Khá	
29	23217210187	Nguyễn Bá Vinh	K23DLL	21/04/1999	Quảng Nam	Nam	2.60	4.00	2.66	Khá	Khá	
30	2320723649	Đoàn Bảo Vy	K23DLL	11/11/1999	Bình Định	Nữ	3.41	4.00	3.43	Giỏi	Tốt	

TRƯỜNG BAN THƯ KÝ

ThS. Nguyễn Ân



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

CHUYÊN NGÀNH: QT DU LỊCH - LỮ HÀNH CHUẨN PSU  
(Kèm theo QĐ: 4778/QĐ-DHDT ngày 15/11/2024)

	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	8HK	TBTN	TBTK	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI R.LUYỆN	Ghi chú
1	23217212440	Nguyễn Trần Anh Khoa	K23PSU-DLL	23/02/1996	Đà Nẵng	Nam	2.88	3.65	2.91	Khá	Tốt	
2	2320710570	Phạm Ngọc Yến Linh	K23PSU-DLL	16/12/1999	Quảng Nam	Nữ	2.89	4.00	2.93	Khá	Khá	
3	2321724887	Nguyễn Tấn Phát	K23PSU-DLL	02/07/1999	Quảng Nam	Nam	2.54	3.65	2.59	Khá	Khá	
4	2321722916	Trần Lê Khắc Tiến	K23PSU-DLL	01/06/1999	Quảng Nam	Nam	2.86	4.00	2.90	Khá	Khá	
5	23207212425	Nguyễn Thị Hồng Thảo	K23PSU-DLL	09/01/1999	Kon Tum	Nữ	2.69	4.00	2.73	Khá	Khá	
6	2320724574	Võ Thị Hoài Thu	K23PSU-DLL	23/12/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.67	3.65	2.71	Khá	Xuất Sắc	

TRƯỞNG BAN THỦ KÝ



ThS. Nguyễn Ân

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 11 năm 2021

CT. HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP



PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Võ Thanh Hải

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	Giới tính	8HK	TBTN	TBTK	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI R.LUYỆN	GHI CHÚ
								5				
1	152413382	Trần Thị Thanh Vân	K15DLK	01/04/1991	Quảng Nam	Nữ	2.79	2.79	2.79	Khá	Tốt	
2	1920715940	Nguyễn Ngọc Minh Trang	K19DLK	03/03/1994	Đà Nẵng	Nữ	2.73	3.00	2.74	Khá	Tốt	
3	2021714666	Nguyễn Văn Vinh	K20DLK	11/02/1995	Quảng Nam	Nam	2.76	3.65	2.79	Khá	Khá	
4	2121166433	Ứng Nguyễn Gia Huy	K21DLK	26/03/1997	Đà Nẵng	Nam	2.67	3.65	2.71	Khá	Tốt	
5	2120715946	Hoàng Thị Yến	K21DLK	21/12/1997	Bắc Ninh	Nữ	2.79	3.33	2.81	Khá	Tốt	
6	2220714158	Lê Thị Thùy Dương	K22DLK	26/03/1998	Quảng Trị	Nữ	2.35	3.33	2.39	Trung bình	Khá	
7	2221865931	Nguyễn Văn Huấn	K22DLK	15/03/1998	Quảng Bình	Nam	2.75	3.33	2.77	Khá	Tốt	
8	2221719227	Trần Thanh Liêm	K22DLK	04/11/1998	Đà Nẵng	Nam	2.32	4.00	2.38	Trung bình	Khá	
9	2220716978	Huỳnh Thị Sâm	K22DLK	10/06/1998	Phú Yên	Nữ	2.61	3.00	2.63	Khá	Tốt	
10	2220717126	Lê Phan Minh Tuyền	K22DLK	10/02/1998	Tt Huế	Nữ	2.53	3.33	2.56	Khá	Tốt	
11	2320714927	Nguyễn Thị Kim Anh	K23DLK	13/12/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.69	4.00	2.74	Khá	Tốt	
12	2320711281	Hoàng Minh Ánh	K23DLK	07/06/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.68	4.00	2.73	Khá	Khá	
13	2321711721	Lê Văn Bin	K23DLK	09/10/1999	Đà Nẵng	Nam	2.24	3.65	2.29	Trung bình	Khá	
14	2221718801	Nguyễn Lê Hoàng Công	K23DLK	13/05/1997	Kon Tum	Nam	2.48	4.00	2.54	Khá	Khá	
15	23207110286	Ngô Thị Diễm	K23DLK	15/02/1999	Quảng Nam	Nữ	3.27	4.00	3.30	Giỏi	Tốt	
16	2320713556	Nguyễn Thị Nguyễn Hoàng	K23DLK	02/02/1999	Quảng Nam	Nữ	2.76	4.00	2.81	Khá	Tốt	
17	2321714405	Nguyễn Văn Hoàng	K23DLK	09/09/1999	Đà Nẵng	Nam	2.48	4.00	2.54	Khá	Khá	
18	23207110285	Nguyễn Thị Kiều	K23DLK	25/02/1999	Quảng Nam	Nữ	3.26	4.00	3.28	Giỏi	Xuất Sắc	
19	2321432066	Phùng Đoàn Minh Khoa	K23DLK	23/06/1998	Quảng Ngãi	Nam	2.63	3.65	2.67	Khá	Khá	
20	2321723138	Phạm Đồng Lực	K23DLK	10/12/1999	Bình Định	Nam	2.89	4.00	2.93	Khá	Tốt	
21	2220865977	Đỗ Trịnh Quỳnh Lương	K23DLK	22/10/1997	DakLak	Nữ	3.01	3.65	3.03	Khá	Khá	
22	23207111020	Nguyễn Ngọc My	K23DLK	07/06/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.31	3.65	3.33	Giỏi	Khá	
23	2220719558	Lê Thị Như Ngà	K23DLK	12/05/1998	Quy Nhơn	Nữ	2.04	4.00	2.11	Trung bình	Khá	
24	23207111623	Lê Thị Hoàng Như	K23DLK	27/02/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.60	4.00	2.66	Khá	Khá	
25	2320710626	Võ Ngọc Yến Như	K23DLK	08/12/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.36	4.00	3.39	Giỏi	Tốt	
26	2320721716	Nguyễn Thị Oanh	K23DLK	13/07/1999	Hà Tĩnh	Nữ	2.61	3.65	2.65	Khá	Khá	
27	2320714446	Nguyễn Thị Kiều Oanh	K23DLK	01/01/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.70	4.00	2.75	Khá	Tốt	
28	2320714452	Hồ Hồng Phước	K23DLK	06/10/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.05	4.00	3.08	Khá	Khá	
29	2320710708	Mai Thị Oanh Tú	K23DLK	08/03/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.87	4.00	2.92	Khá	Khá	
30	2321729741	Nguyễn Duy Tùng	K23DLK	21/04/1999	Đà Nẵng	Nam	2.15	4.00	2.22	Trung bình	Khá	
31	2320716465	Lưu Hồng Thắm	K23DLK	08/04/1999	Lâm Đồng	Nữ	2.90	3.65	2.93	Khá	Tốt	
32	2320711329	Nguyễn Thị Hoài Thương	K23DLK	16/12/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.82	4.00	2.86	Khá	Tốt	
33	23207112387	Nguyễn Thị Thùy Trang	K23DLK	13/02/1999	Quảng Nam	Nữ	2.52	3.65	2.56	Khá	Tốt	

TRƯỜNG BAN THƯ KÝ

*(Signature)*

ThS. Nguyễn Ân



PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Võ Thanh Hải

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	Giới tính	8HK	TBTN	TBTK	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI R.LUYỆN	GHI CHÚ
								5				
1	1920716776	Hoàng Lê Ngọc Lộc	K20PSU-DLK	28/02/1995	Đà Nẵng	Nữ	2.75	2.33	2.74	Khá	Tốt	
2	2120717881	Nguyễn Thiên Khanh	K21PSU-DLK	06/05/1997	Đà Nẵng	Nữ	2.57	3.65	2.61	Khá	Khá	
3	2320710871	Đào Thị Kim Chi	K23PSU-DLK	12/01/1999	Quảng Ngãi	Nữ	2.68	3.65	2.71	Khá	Tốt	
4	23207110953	Bùi Phương Diễm	K23PSU-DLK	24/09/1999	Quảng Ngãi	Nữ	3.12	4.00	3.15	Khá	Tốt	
5	23207110188	Trương Thị Ngọc Diệp	K23PSU-DLK	10/09/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.87	4.00	2.91	Khá	Tốt	
6	2320710730	Trần Thị Ngọc Hân	K23PSU-DLK	21/12/1999	Quảng Nam	Nữ	3.26	4.00	3.29	Giỏi	Tốt	
7	2320721735	Dương Thị Thúy Hoa	K23PSU-DLK	09/12/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.74	4.00	2.78	Khá	Tốt	
8	2321712499	Nguyễn Anh Huy	K23PSU-DLK	27/08/1996	Đà Nẵng	Nam	3.23	4.00	3.26	Giỏi	Tốt	
9	2321310866	Cao Lê Trường Kiên	K23PSU-DLK	10/11/1998	Quảng Nam	Nam	2.99	4.00	3.02	Khá	Khá	
10	2320714518	Lê Thị Thùy Linh	K23PSU-DLK	01/08/1999	Nghệ An	Nữ	2.69	4.00	2.74	Khá	Tốt	
11	2321716422	Phạm Quang Lợi	K23PSU-DLK	24/07/1999	Quảng Nam	Nam	3.32	4.00	3.35	Giỏi	Xuất Sắc	
12	2320716714	Ngô Thị Ngọc Minh	K23PSU-DLK	04/11/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.00	4.00	3.03	Khá	Tốt	
13	23217111118	Nguyễn Minh	K23PSU-DLK	04/09/1999	Đà Nẵng	Nam	2.73	4.00	2.77	Khá	TB	
14	2320714429	Dương Thị Trà My	K23PSU-DLK	13/04/1999	Quảng Nam	Nữ	2.62	4.00	2.67	Khá	Tốt	
15	2320712873	Lê Thị Yến Ny	K23PSU-DLK	16/01/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.89	4.00	2.93	Khá	Tốt	
16	2320714778	Trần Hồng Ngọc	K23PSU-DLK	17/11/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.36	4.00	3.39	Giỏi	Tốt	
17	2320715485	Lê Trần Bảo Ngọc	K23PSU-DLK	15/12/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.65	4.00	2.70	Khá	Tốt	
18	2320714872	Lê Trần Thảo Nguyên	K23PSU-DLK	11/09/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.87	4.00	2.91	Khá	Khá	
19	2320714874	Trần Thị Thanh Nhân	K23PSU-DLK	08/10/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.31	4.00	2.37	Trung bình	Khá	
20	2321329605	Nguyễn Quốc Nhân	K23PSU-DLK	04/10/1999	Đà Nẵng	Nam	2.66	4.00	2.71	Khá	Khá	
21	23217112113	Nguyễn Hữu Nhở	K23PSU-DLK	04/10/1999	Đà Nẵng	Nam	3.80	4.00	3.80	Xuất sắc	Xuất Sắc	
22	2320315867	Nguyễn Thị Lương Phúc	K23PSU-DLK	12/07/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.74	4.00	2.78	Khá	Tốt	
23	2321710414	Mai Đăng Quang	K23PSU-DLK	29/01/1999	Đà Nẵng	Nam	2.70	4.00	2.75	Khá	Xuất Sắc	
24	2321715309	Phạm Quang	K23PSU-DLK	05/02/1999	Đà Nẵng	Nam	2.81	4.00	2.85	Khá	Khá	
25	2320711761	Lê Nhã Ý Quyên	K23PSU-DLK	27/07/1999	Kon Tum	Nữ	3.30	4.00	3.32	Giỏi	Tốt	
26	2321713979	Nguyễn Văn Sơn	K23PSU-DLK	10/11/1998	Quảng Nam	Nam	2.53	4.00	2.58	Khá	Tốt	
27	2320714008	Nguyễn Thị Thu Sương	K23PSU-DLK	16/05/1999	Quảng Nam	Nữ	2.73	4.00	2.77	Khá	Tốt	
28	2321716436	Nguyễn Đại Tiên	K23PSU-DLK	10/09/1999	Quảng Nam	Nam	2.17	3.33	2.21	Trung bình	Tốt	
29	2321713293	Nguyễn Đăng Thành	K23PSU-DLK	20/05/1999	Đà Nẵng	Nam	2.71	4.00	2.76	Khá	Tốt	
30	23207112421	Nguyễn Lê Ngọc Thảo	K23PSU-DLK	07/11/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.13	4.00	3.16	Khá	Tốt	
31	2320711284	Lê Anh Thư	K23PSU-DLK	28/06/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.21	4.00	3.24	Giỏi	Tốt	
32	2320717146	Trịnh Nữ Ngọc Trâm	K23PSU-DLK	14/03/1999	Gia Lai	Nữ	2.83	4.00	2.87	Khá	Tốt	
33	2320716441	Thái Thị Tuyết Trinh	K23PSU-DLK	11/12/1999	Bình Phước	Nữ	2.70	4.00	2.75	Khá	Tốt	
34	2121713586	Võ Ngọc Trung	K23PSU-DLK	29/09/1997	Gia Lai	Nam	2.50	3.00	2.52	Khá	Khá	
35	23207111092	Huỳnh Nhật Thảo Uyên	K23PSU-DLK	16/04/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.29	4.00	2.35	Trung bình	Khá	

TRƯỞNG BAN THỦ KÝ *nam*  
*anh*  
ThS. Nguyễn Ân

DỤC  
Đà Nẵng, ngày 15 tháng 11 năm 2021  
TRƯỜNG ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
ĐẠI HỌC DUY TÂN  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Võ Thanh Hải

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	Giới tính	8HK	TBTN	TBTK	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI R.LUYỆN	GHI CHÚ	
								5					
1	23107112556	Quang Thị	Hương	K23DCD	26/11/1998	Hung Yên	Nữ	2.57	3.65	2.64	Khá	Tốt	

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



ThS. Nguyễn Ân



PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Võ Thanh Hải